

Số: 04/2014/NQ-HĐND

Hà Quảng, ngày 25 tháng 6 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua các Danh mục đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2014

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét Tờ trình số: 527/TTr-UBND, ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phê chuẩn các Danh mục đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2014;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua các danh mục đầu tư và xây dựng cơ bản năm 2014 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục các dự án	Chỉ tiêu năm 2014	Ghi chú
	TỔNG SỐ	79.485,55	
I	Nguồn NSTT	5.655,00	
1	Đường GTNT UBND xã Vân Đình - Kéo co lý	2.855,00	
2	Trường Mầm non xã Hồng Sỹ	600,00	KCM
3	Trường Mầm non xã Hạ Thôn	200,00	KCM
4	Trường Mầm non xã Tổng Cột	800,00	KCM
5	Trường Mầm non xã Thượng Thôn	600,00	KCM
6	Trường Mầm non xã Nội Thôn	600,00	KCM
II	Nguồn Nghị quyết 37	420,00	
-	Dự án phát triển đàn bò	420,00	C/tiếp

III	Chương trình bố trí Dân cư	100,00	
IV	CT MTQG giảm nghèo bền vững - NQ30a	29.410,00	
*	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	22.410,00	
<i>a</i>	<i>Công trình hoàn thành trước 31/12/2013 trả nợ</i>	6.665,00	
1	Nâng cấp đường GTNT Năm Nhũng - Mốc 107 (cũ)	1.355,00	Trả nợ
2	Đập mương Nà Tao xã Sóc Hà	280,00	Trả nợ
3	Đường GT Sông Giang -Lũng Rầu - Lũng Hoóng xã Hồng Sỹ	2.540,00	Trả nợ
4	Đường GT Lũng Riễn - Khau Sớ, xã Sỹ Hai	1.640,00	Trả nợ
5	Đường GT Sỹ Diêng - Kha Bản, xã Vân Đình	850,00	Trả nợ
<i>b</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	6.445,00	
1	Trường Dân tộc Nội trú huyện (Giai đoạn II)	6.445,00	C/tiếp
<i>c</i>	<i>Dự án khôi công mới 2014</i>	9.300,00	
1	Trung tâm Y tế huyện	4.000,00	KCM
2	Đường GT Bó Sóp (xã Kéo Yên) - Pác Bó (xã Trường Hà)	5.300,00	KCM
*	<i>Vốn sự nghiệp</i>	7.000,00	
1	Chính sách hỗ trợ sản xuất tạo việc làm, tăng thu nhập	6.700,00	
-	Hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi, phân bón	6.000,00	
-	Hỗ trợ làm chuồng trại	500,00	
-	Chính sách xuất khẩu lao động (thực hiện theo QĐ số 71/2009/QĐ-TTg)	200,00	
2	Chính sách giáo dục đào tạo nâng cao dân trí	300,00	
-	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ cơ sở	300,00	
V	CTMTQG giảm nghèo bền vững - CT 135	25.850,00	
	Vốn đầu tư phát triển	16.000,00	
*	Các xã ĐBKK	13.626,00	
1	Xã Kéo Yên	500,00	
-	Sửa chữa trường tiểu học	500,00	KCM
2	Xã Cải Viên	500,00	
-	Đường GT Chông Mạ - Cả Giáng	500,00	KCM
3	Xã Vân An	1.010,15	
-	Đường GT Pác Có- Mốc 696	1.010,15	C/tiếp

4	Xã Hồng Sỹ	877,00	
-	Đường GTNT Tả Sóng – Pác Táng	500,00	KCM
-	Đường GTNT Lũng Dán- Lũng Ngần	377,00	Trả nợ
5	Xã Lũng Nặm	1.139,70	
-	Trường mầm non Nặm Nhũng, (HM: Nhà công vụ giáo viên, các hạng mục phụ trợ)	1.139,70	C/tiếp
6	Xã Nội Thôn	828,70	
-	Đường GT Lũng In (Lũng Nặm) - Làng Lý- Lũng Chuồng (xã Nội Thôn)	754,92	Trả nợ
-	Bể nước sinh hoạt xóm Lũng Rì – Pò Rài	73,78	Trả nợ
7	Xã Sỹ Hai	1.051,67	
-	Đường GTNT Khau Sớ - Lũng bông	596,06	KCM
-	Đường GTNT Nặm Thuôm - Lũng Quảng	455,61	Trả nợ
8	Xã Hạ Thôn	594,75	
-	Đường GTNT Trụ sở xã - Rặng Khoen	594,75	Trả nợ
9	Xã Mã Ba	1.003,21	
-	Đường GTNT Cả Póoc- Mã Rặng	1.003,21	Trả nợ
10	Xã Tổng Cọt	1.066,59	
-	Đường GT Lũng Ái - Thiêng Ngọa	1.066,59	C/tiếp
11	Xã Vân Đình	1.200,00	
-	Đường Sỹ Điêng - Kha Bản	1.200,00	C/tiếp
12	Xã Quý Quân	614,67	
-	Bể nước Lũng Xám	114,67	Trả nợ
-	Phai, nương Nà Sáo	500,00	KCM
13	Xã Thượng Thôn	1.323,00	
-	Đường GT Cả Giang - Lũng Táy	686,00	C/tiếp
-	San nền, kè các trường học xã Thượng Thôn	637,00	KCM
14	Xã Sóc Hà	1.109,90	
-	Bể nước sinh hoạt gia đình xóm Lũng Cùm - Lũng Vĩ	1.109,90	C/tiếp
15	Xã Nà Sác	1.093,78	
-	Đường GTNT điểm trường Mã Líp - Mã Líp dưới	1.093,78	C/tiếp
16	Xã Trường Hà	1.086,88	
-	Mương thủy lợi xóm Nặm Lìn	1.086,88	C/tiếp
*	Các xóm đặc biệt khó khăn xã vùng II	1.000,00	
1	TT Xuân Hòa	600,00	
-	Đường GTNT Khuổi Pàng	580,00	C/tiếp

-	Đường GTNT xóm Yên Luật I	20,00	KCM
2	Xã Phù Ngọc	400,00	
-	Bể nước Nóc Mò	400,00	C/tiếp
*	Vốn sự nghiệp	9.850,00	
1	Sự nghiệp duy tu, bảo dưỡng - chương trình 135	5.000,00	
-	Cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp nước Cha Vạc-Lũng Rầu – Vân An	431,80	Trả nợ
-	Cải tạo, sửa chữa mương Hai Hảy- Lũng Slắng xã Kéo Yên	408,50	Trả nợ
-	Cải tạo mương Đuôn Nà nghiêng xã Sóc Hà	89,36	Trả nợ
-	Cải tạo, sửa chữa mương Thông Slác xã Lũng Nặm	627,00	KCM
-	Cải tạo, sửa chữa mương Rằng Pù, xã Tổng Cọt	634,72	KCM
-	Cải tạo, nâng cấp đình chợ Tổng Cọt, xã Tổng Cọt	600,00	KCM
-	Cải tạo, nâng cấp mương thuỷ lợi Kim Đồng -Hoà Mục xã Nà Sác	950,00	KCM
-	Cải tạo, nâng cấp đập mương phai mười, nà sléc, xóm Nà Vạc I, Yên Luật I, Thị trấn Xuân Hoà	578,62	KCM
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Nà Sác	680,00	KCM
2	Vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất	4.850,00	
VI	Vốn Trái phiếu Chính phủ	15.000,00	
1	Đường Sóc Hà-Quý Quân (Hà Quảng) – Dân Chủ (Hoà An)	2.000,00	Trả nợ
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	13.000,00	
-	Cầu Nà Slắng, xóm Hoong I, xã Trường Hà	2.000,00	KCM
-	Mương thuỷ lợi Nà Lọc xóm Hoong II, xã Trường hà	2.500,00	KCM
-	Đường GTNT Pác Bó – Bó Bầm xã Trường Hà	5.500,00	KCM
-	Đường GTNT liên xóm Bản Khoang - Đông Rẻo xã Đào ngạn	3.000,00	KCM
VII	Vốn sự nghiệp chương trình xây dựng NTM (vốn quy hoạch)	725,00	
VIII	Vốn sự nghiệp đảm bảo chất lượng trường học (SEQAP)	2.325,55	

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

Điều 3: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khoá XVIII có trách nhiệm giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá XVIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Giám